TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:03/2018/KDTM-ST.
Ngày: 25/01/2018.
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng; thế chấp tài sản và phát mại)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Dũng, ông Lê Quang Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên .

Trong ngày 25/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2017/TLST-KDTM ngày 20.02.2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX- ST ngày 10/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng

Địa chỉ: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Thanh S- Giám đốc chi nhánh TV thuộc Ngân hàng B.

Người được ủy quyền lại:

- Bà Lê Thị H- Phó trưởng phòng quản lý rủi ro kiêm Tổ trưởng Tổ xử lý nợ của chi nhánh Ngân hàng B- TV thuộc Ngân hàng B theo văn bản ủy quyền số 270/UQ- BIDV.TVI ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng B- TV. Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Xây dựng BMT (sau đây viết tắt là công ty BMT)

Địa chỉ: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - chức vụ Giám đốc công ty - Trú tại: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B

Nơi ĐKHKTT: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An- Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị A

Nơi ĐKHKTT: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An- Vắng mặt.

3. Ông Đặng Hữu C

Nơi ĐKHKTT: xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An- Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T

Nơi ĐKHKTT: xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An- Vắng mặt.

5.Anh Nguyễn Văn H

Nơi ĐKHKTT: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An- Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị T

Nơi ĐKHKTT: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng B và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty BMT có trụ sở tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có nhu cầu vay vốn để bổ sung vốn trong hoạt động thi công các công trình dân dụng đã đề nghị ngân hàng B cho vay; Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên đã tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số HM.0049.13/HĐTD ngày 24.9.2013, ngân hàng T - chi nhánh Nghệ An nay là ngân hàng B- chi nhánh T V cho công ty BMT vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Thời hạn vay 03 tháng tính theo từng kì giải ngân và nhận tiền; Lãi suất cố định trong hạn là 11%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Số tiền trên được giải ngân theo từng lần gồm:

- Lần 1: số tiền 1.200.000.000 đồng Việt Nam tại Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn số 2090005697523 ngày 24.9.2013. Tiền lãi trong hạn là 456.570.869 đồng, tiền lãi quá hạn là 126.406.276 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.782.977.145 đồng.

- Lần 2: số tiền 400.000.000 đồng Việt Nam tại Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn số 2090005728405 ngày 30.9.2013.Tiền lãi trong hạn là 192.988.737 đồng, tiền lãi quá hạn là 53.973.871 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 646.962.608 đồng.

- Lần 3: 400.000.000 đồng Việt Nam tại Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn số 2090005731586 ngày 01.10.2013.Tiền lãi trong hạn là 192.866.515 đồng, tiền lãi quá hạn là 53.973.871 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 642.840.386 đồng.

- Lần 4: Do lần vay thứ nhất với số tiền 1.200.000.000 đồng đã trả được 263.012.470 đồng nên tại Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn số 2090005895972 ngày 03.11.2013 tiếp tục được vay 263.000.000 đồng Việt Nam vì tổng dư nợ được phép tối đa là 2.000.000.000 đồng.Tiền lãi của số tiền vay lần này trong hạn là 124.077.483 đồng, quá hạn là 35.458.121 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 422.535.604 đồng.

Tổng cả bốn lần giải ngân, trả nợ cho đến nay (25.01.2018) thì công ty BMT đang còn dư nợ tại ngân hàng B số tiền cụ thể: nợ gốc là 1.999.987.530 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.217.977.948 đồng; Tổng cả gốc và lãi là 3.217.965.478 đồng Việt Nam.

Chi tiết các lần trả nợ như sau:

+ Số nợ gốc, lãi đã trả đến hết ngày 25/01/2018 (Đơn vị tính: VNĐ):

Số HĐTD kiêm giấy nhận nợ	Ngày vay	Nợ gốc đã trả	Lãi trong hạn đã trả	Lãi quá hạn đã trả	Tổng nợ đã trả
2090005697523 *1.200.000.000đ*	24/09/2013	263.012.470	12.348.917	0	275.361.387
2090005728405 *400.000.000đ*	30/09/2013	0	3.055.550	0	3.055.550
2090005731586 *400.000.000đ*	01/10/2013	0	2.933.328	0	2.933.328
2090005895972* *263.000.000đ*	03/11/2013	0	0	0	0
Tổng cộng		**263.012.470**	**18.337.795**	**0**	**281.350.265**

*(*Số tiền của hợp đồng 2090005697523 được vay là 1.200.000.000đ đã trả được 263.012.470 đồng; Do hạn mức tín dụng HM0049.13/HĐTD năm 2013 là 2.000.000.000 đồng nên đến ngày 03.11.2013, bên vay tiếp tục được vay 263.000.000 đồng nữa.)*

+ Tổng dư nợ còn phải trả tính đến hết ngày 25/01/2018(Đơn vị tính: VNĐ):

Số HĐTD	Ngày	Nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Tổng lãi	Tổng dư nợ
2090005697523	24/09/2013	936.987.530	444.221.952	126.406.276	570.628.228	1.507.615.758
2090005728405	30/09/2013	400.000.000	189.933.187	53.973.871	243.907.058	643.907.058
2090005731586	01/10/2013	400.000.000	189.933.187	53.973.871	243.907.058	643.907.058

2090005895972	03/11/2013	263.000.000	124.077.483	35.458.121	159.535.604	422.535.604
Tổng cộng		**1.999.987.530**	**948.165.809**	**269.812.139**	**1.217.977.948**	**3.217.965.478**

Theo nguyên đơn thì tài sản đảm bảo cho các khoản vay của công ty BMT tại ngân hàng B gồm *:*

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04 có diện tích 209m2 tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AL 516825 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 17/04/2008 mang tên Nguyễn Văn B- Nguyễn Thị A. (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số N.C 0063.11c/HĐTC ngày 14.9.2011)

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 167 (lô 11), tờ bản đồ số 02 có diện tích 160m2 tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AO 649448 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 30/07/2009 mang tên Đặng Hữu C- Nguyễn Thị T. (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số N.C 0014.10/HĐTC ngày 11.5.2010)

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 508, tờ bản đồ số 05 có diện tích 350m2 tại xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số I 623994 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 01/10/1997 mang tên Đặng Hữu C- Nguyễn Thị T. (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số N.C 0014.10/HĐTC ngày 11.5.2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số N.C0014.1001/PLHĐ ngày 14.9.2011)

Tài sản thế chấp trên đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Kể từ lúc vay vốn (24.9.2013) cho đến nay Công ty BMT chỉ trả được 281.350.265 đồng cả gốc và lãi. Ngân hàng tạo điều kiện cho khách hàng, đã nhiều lần làm việc đôn đốc, khách hàng cam kết trả nợ. Nhưng đến thời điểm hiện nay khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ngân hàng B đề nghị Tòa án buộc Công ty BMT phải trả tổng số tiền là 3.217.965.478 đồng tính đến ngày 25/01/2018 bao gồm cả gốc và lãi. Từ ngày 26/01/2018, buộc tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho đến khi Công ty BMT trả hết toàn bộ khoản vay trên.

- Trong trường hợp công ty BMT không trả được nợ thì đề nghị Toà án cho xử lý các tài sản thế chấp để thanh toán.

Phía bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B thừa nhận hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khoản vay, khoản nợ phải trả như lời trình bày của nguyên đơn là đúng, ông chấp nhận và không có ý kiến gì khác. Ông chỉ đề nghị Ngân hàng xét giảm tiền lãi suất cho ông vì doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn, chưa thu hồi được vốn đã đầu tư trong các công trình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị A, anh Đặng Hữu C trong bản khai cũng nhất trí về nội dung nợ, đồng ý dùng tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trình bày trong lời khai là anh chị không xây dựng, tôn tạo ...gì trên thửa đất mượn của ông B, bà A tại xóm 7, xã N. Anh và chị không liên quan, không có yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa. Dù đã nhận bản sao biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, bản sao biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cũng không có ý kiến phản hồi.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19.9.2017 thì các tài sản thế chấp vẫn nguyên hiện trạng như đã thể hiện trong hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng kèm theo do Ngân hàng, khách hàng và bên thứ ba thể hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng*:* Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, lập hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật. Mặc dù người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt theo giấy triệu tập của Toà án- Thẩm phán, Hội đồng xét xử vẫn thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điều 317; 318; 320; 322; 467 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn là công ty BMT phải trả cho Ngân hàng B số tiền cả gốc và lãi là 3.217.965.478 đồng; Xử lý tài sản thế chấp khi không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Công ty BMT được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 28.8.2002; được đăng kí thay đổi lần thứ tư ngày 02.8.2011do ông Nguyễn Văn B- giám đốc là người đại diện theo pháp luật có trụ sở công ty tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Văn B với tư cách là người đại diện theo pháp luật của bị đơn vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (dùng tài sản để bảo đảm khoản vay) trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ, có lời khai, có tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 14.12.2017, Tòa án mở phiên tòa để xét xử nhưng ông Nguyễn Văn B có đơn trình bày là đi điều trị bệnh nên vắng mặt. Tuy đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn B (*Bút lục số 115*) không thể hiện rõ nội dung vấn đề

nhưng cùng với việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất,Tòa án đã hoãn phiên tòa để bảo đảm quyền lợi tố tụng cho các đương sự.

- Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị A, anh Đặng Hữu C, chị Nguyễn Thị T đều vắng mặt tại phiên toà; Quá trình giải quyết vụ án không hợp tác làm việc nên không có đủ lời khai, lời trình bày, ý kiến gì mặc dù đã được giao thông báo thụ lí vụ án, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, giấy triệu tập, quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bản sao biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, bản sao biên bản phiên họp công khai chứng cứ và bản sao biên bản hòa giải cũng như giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ.

- Đối với anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T: trong bản khai, anh chị đều trình bày là mượn ki ốt của bố mẹ là ông B, bà A để buôn bán và không có tài sản, công sức đóng góp...gì, không có yêu cầu gì đến mảnh đất này (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04 có diện tích 209m2 tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 516825 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 17/04/2008 mang tên Nguyễn Văn B- Nguyễn Thị A) nên Tòa án không xét.

Do được tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng của Tòa án, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng các đương sự vẫn cố tình trốn tránh nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

- Ngân hàng B kí hợp đồng tín dụng cho công ty BMT vay số tiền 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng). Thời hạn vay 03 tháng; Lãi suất trong hạn là 11%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Số tiền trên được giải ngân theo từng lần theo từng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ với mục đích vay tiền để bổ sung vốn thi công công trình theo giấy phép đăng kí kinh doanh. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân nhiều lần đúng mục đích. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do công ty BMT không trả được nợ theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng cũng như các giấy nhận nợ nên ngày 14.02.2017, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện công ty BMT ra Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc. Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và công ty BMT được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Như vậy, quan hệ giữa Ngân hàng và công ty BMT là quan hệ kinh doanh thương mại.Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 185 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu luật định.

2. Về nội dung:

+ Hợp đồng tín dụng số HM.0049.13/HĐTD ngày 24.9.2013 và các Hợp đồng tín dụng chi tiết từng lần giải ngân, nhận tiền số 2090005697523/HĐTD ngày 24.9.2013*;* số 2090005728405/HĐTD ngày 30.9.2013; số 2090005731586/HĐTD ngày 01.10.2013; số 2090005895972/HĐTD ngày 03.11.2013 được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự về việc cho vay tài sản. Do đó xác định đây là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên nên cần căn cứ vào các điều khoản đã quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

** Đối với yêu cầu buộc thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của 04 hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ chi tiết nói trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

- *Xét yêu cầu đòi số tiền nợ gốc:* Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty BMT 4 lần (vào các ngày 24/09; 30/09; 01/10; 03/11/2013) và Công ty cũng đã trả được một phần nợ, nay tổng số tiền gốc còn nợ của 4 Hợp đồng tín dụng là 1.999.987.530 đồng (Bút lục số 81). Do vậy, nội dung này không cần phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu Công ty BMT phải trả số tiền nợ gốc trên như công ty BMT thừa nhận tại phiên tòa là có cơ sở, cần chấp nhận.

- *Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng ghi lãi suất vay cố định là 11%/năm. Nếu phát sinh nợ gốc quá hạn ngoài lãi cho vay trong hạn, còn phải chịu thêm lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong lời khai tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày lãi vay được quy định trả vào ngày 25 hàng tháng. Tiền lãi được tính trên tổng số dư nợ vay nhân với lãi suất năm chia 360 ngày nhân với số ngày vay thực tế. Lãi quá hạn được tính trên số dư nợ gốc thực tế không trả nợ đúng hạn nhưng không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhân lãi suất phạt quá hạn chia 360 ngày nhân số ngày thực tế quá hạn theo mức lãi suất cụ thể của kỳ tính lãi.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền tính đến ngày 25.01.2018:

- Nợ gốc là 1.999.987.530 đồng.

- Tiền lãi quá hạn với hợp đồng số 2090005697523/HĐTD tính từ ngày 25.12.2013; Hợp đồng số 2090005728405/HĐTD tính từ ngày 01.01.2014; Hợp đồng số 2090005731586/HĐTD tính từ ngày 02.01.2014 và hợp đồng số 2090005895972/HĐTD tính từ ngày 04.02.2014 cho đến nay. Tổng lãi là 1.217.977.948 đồng;

Tổng cả gốc và lãi là 3.217.965.487 đồng Việt Nam.

Căn cứ vào án lệ số 08/2016/AL mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17.10.2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ- CA ngày 17.10.2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao ghi rõ: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và được cụ thể trong các giấy nhận nợ, Ngân hàng giữ cố định mức lãi suất 11%/năm như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Điều này, hoàn toàn phù hợp với thoả thuận hợp đồng và có lợi cho bị đơn nên cần áp dụng để tính toán khoản tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Do bị đơn không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn nên đã phát sinh nợ gốc quá hạn; Nguyên đơn yêu cầu ngoài khoản tiền lãi trong hạn thì đối với số nợ gốc quá hạn, bị đơn còn phải chịu mức lãi phạt bằng 50% lãi trong hạn. Xét yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, án lệ về cách tính lãi quá hạn nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện công ty BMT thừa nhận các số liệu về khoản lãi trong hạn và quá hạn mà bên ngân hàng B yêu cầu là đúng nhưng trình bày xin được giảm lãi vì doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong thu hồi vốn thi công nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi tính đến 25.01.2018 là 1.217.977.948 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

** Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Hợp đồng tín dụng trong trường hợp không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty BMT bao gồm:*

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất 98, tờ bản đồ 04 có diện tích 209m2 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AL 516825 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 17/04/2008 mang tên Nguyễn Văn B- Nguyễn Thị A tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 167 (lô 11), tờ bản đồ 02 có diện tích 160m2 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AO 649448 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 30/07/2009 mang tên Đặng Hữu C- Nguyễn Thị T tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất 508, tờ bản đồ số 05 có diện tích 350m2 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số I623994 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 01/10/1997 mang tên Đặng Hữu C- Nguyễn Thị T tại khối K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy: Các hợp đồng thế chấp tài sản giữa người thứ 3, công ty BMT và Ngân hàng được ký kết theo đúng quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên là Hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các tài sản thế chấp qua xem xét thẩm định tại chỗ vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp; Quá trình giải quyết vụ án, người thứ 3 (bên có tài sản) đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi (trường hợp chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Hữu C, bà Nguyễn Thị A không có ý kiến gì sau khi nhận được bản sao các văn bản như: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; biên bản phiên họp công khai chứng cư và hòa giải); Do công ty BMT thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nên Ngân hàng yêu cầu Toà án

giải quyết việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 317; Điều 320 và Điều 299 Bộ luật dân sự cần được chấp nhận.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì về vấn đề phạt vi phạm hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí*:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 3.217.965.487 đồng Việt nam *(Ba tỷ hai trăm mười bảy triệu chín trăm sáu lăm ngàn bốn trăm tám bảy đồng)* và được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Công ty BMT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Do yêu cầu của Ngân hàng B được chấp nhận nên cần trả lại số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 116; 117; 317; 318; 319; 320; 323; 466; 468 và Điều 299 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 94; 95 Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17.10.2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ- CA ngày 17.10.2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với Công ty BMT.

Buộc Công ty BM T phải trả cho Ngân hàng B tổng số tiền nợ là 3.217.965.478 đồng Việt Nam (Ba tỷ hai trăm mười bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng); Trong đó: nợ gốc là 1.999.987.530 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi đồng); tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.217.977.948 đồng (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, công ty BMT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn là 150% của mức lãi suất 11%/năm của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, là mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng B.

Sau khi công ty BMT thanh toán xong toàn bộ khoản tiền trên, ngân hàng B có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ giấy tờ tài sản đã thế chấp.

2- Trong trường hợp Công ty BMT không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, ngân hàng B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 04 có diện tích 209m2 tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AL 516825 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 17/04/2008 mang tên Nguyễn Văn B- Nguyễn Thị A.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 167 (lô 11), tờ bản đồ số 02 có diện tích 160m2 tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AO 649448 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 30/07/2009 mang tên Đặng Hữu C- Nguyễn Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có khi thế chấp và phát sinh sau khi thế chấp tại thửa đất số 508, tờ bản đồ số 05 có diện tích 350m2 tại xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số I 623994 do UBND Huyện Nghi Lộc cấp ngày 01/10/1997 mang tên Đặng Hữu C- Nguyễn Thị T.

-Về án phí:

Công ty BMT phải chịu 96.359.309 đồng (Chín mươi sáu triệu ba trăm năm mươi chín ngàn ba trăm linh chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng B số tiền 49.940.000 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004238 ngày 16.2.2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS ND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Nghi Lộc;
- L- u hồ sơ.

T/M H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ